

Số: 1023 /KH-UBND

Nghệ An, ngày 26 tháng 11 năm 2025

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Quyết định số 1894/QĐ-TTg ngày 04/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình phát triển ngành công nghiệp môi trường Việt Nam giai đoạn 2025 - 2030 trên địa bàn tỉnh Nghệ An

Thực hiện Quyết định số 1894/QĐ-TTg ngày 04/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển ngành công nghiệp môi trường Việt Nam giai đoạn 2025 - 2030 (Quyết định số 1894/QĐ-TTg), UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh Nghệ An cụ thể như sau:

I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

- Triển khai thực hiện Quyết định số 1894/QĐ-TTg phù hợp với tình hình thực tiễn tại địa phương nhằm đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Phát triển ngành công nghiệp môi trường (CNMT) là một nội dung quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội nhằm giải quyết các vấn đề về môi trường trên địa bàn. Xây dựng, lồng ghép, thực hiện các nội dung tại Quyết định số 1894/QĐ-TTg vào các chương trình, đề án, kế hoạch, chính sách phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Phát triển đồng bộ các lĩnh vực cung cấp công nghệ, thiết bị, dịch vụ và sản phẩm phục vụ các yêu cầu về bảo vệ môi trường phù hợp với nhu cầu, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và xu hướng của quốc gia.

- Khuyến khích tạo điều kiện để mọi tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đầu tư phát triển ngành CNMT trên địa bàn tỉnh.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu tổng quát

Đến năm 2030, ngành CNMT cơ bản đáp ứng nhu cầu bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh; thu hút, kêu gọi đầu tư, phát triển các doanh nghiệp CNMT, các tổ chức nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng công nghệ môi trường.

2.2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Rà soát, hoàn thiện các chính sách phát triển ngành CNMT, tạo khung pháp lý để hình thành và phát triển các khu công nghiệp (KCN), cụm công nghiệp

(CCN) tái chế làm nền tảng dẫn dắt, thúc đẩy phát triển ngành CNMT, hướng tới mục tiêu xây dựng quy định về phát triển ngành CNMT trên địa bàn tỉnh.

- Kêu gọi doanh nghiệp CNMT đầu tư, phát triển các sản phẩm, dịch vụ đáp ứng cơ bản nhu cầu bảo vệ môi trường trong tỉnh; thiết bị và công nghệ sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; nâng cao năng lực sản xuất năng lượng tái tạo.

- Phát triển dịch vụ môi trường cơ bản đáp ứng được nhu cầu của tỉnh về thu gom, vận chuyển, tái chế, xử lý chất thải; cải tạo, phục hồi môi trường, hệ sinh thái các khu vực bị ô nhiễm, suy thoái; nhu cầu phân tích, quan trắc môi trường; các dịch vụ tư vấn, đào tạo, chuyển giao công nghệ về môi trường.

- Nâng cao nhận thức và nhu cầu sử dụng năng lượng tái tạo, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên.

- Tỷ lệ KCN đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường đạt 100%.

- Tỷ lệ CCN đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường đạt 100%.

- Tỷ lệ KCN, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ lắp đặt hệ thống quan trắc tự động và truyền số liệu về Sở Nông nghiệp và Môi trường theo quy định đạt 100%.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Hoàn thiện chính sách, pháp luật về CNMT

- Rà soát, nghiên cứu, đề xuất xây dựng cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển ngành CNMT phù hợp với điều kiện thực tiễn tại Nghệ An.

- Tổ chức triển khai có hiệu quả các chính sách khuyến khích, ưu đãi, hỗ trợ đầu tư để hình thành và phát triển được các KCN, CCN tái chế làm nền tảng dẫn dắt, thúc đẩy phát triển ngành CNMT.

- Triển khai có hiệu quả cơ chế khuyến khích hỗ trợ nghiên cứu phát triển, ứng dụng làm chủ và chuyển giao công nghệ xử lý nước thải, khí thải, chất thải rắn và chất thải nguy hại phù hợp với điều kiện của địa phương.

- Lồng ghép nội dung phát triển ngành CNMT vào các chiến lược, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Phát triển thị trường hàng hóa CNMT

- Xây dựng và mở rộng nhu cầu thị trường đối với thiết bị, công nghệ, sản phẩm hàng hóa CNMT thông qua hình thức đặt hàng, chỉ định thầu cho các doanh nghiệp trong nước.

- Phát triển năng lực cung cấp thiết bị, công nghệ, sản phẩm hàng hóa CNMT cho các doanh nghiệp.

- Hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa, kết hợp với thiết lập mạng lưới vườn ươm doanh nghiệp CNMT tại các KCN, CCN và cơ sở đào tạo trọng điểm.

- Triển khai các hoạt động ưu tiên về dán nhãn đối với sản phẩm hàng hóa của ngành CNMT, thúc đẩy phát triển bền vững thị trường sản phẩm hàng hóa và các chính sách quy định tiêu chuẩn chất lượng và phát triển bền vững. Tổ chức xúc tiến thương mại, thu hút đầu tư vào ngành CNMT.

- Khuyến khích, thúc đẩy hợp tác công - tư trong nghiên cứu và sản xuất thiết bị, sản phẩm CNMT mới: Nhà nước hỗ trợ vốn, hạ tầng và đào tạo nhân lực; doanh nghiệp triển khai thực tế, vận hành, thương mại hóa sản phẩm.

3. Phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phục vụ phát triển ngành CNMT

3.1. Phát triển khoa học công nghệ:

- Khuyến khích, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp CNMT nghiên cứu, áp dụng các công nghệ, thiết bị, sản phẩm thuộc danh mục cụ thể công nghệ, thiết bị, sản phẩm ngành CNMT ban hành kèm theo Quyết định số 980/QĐ-TTg ngày 22/8/2023 của Thủ tướng Chính phủ phục vụ xử lý chất thải, bảo vệ môi trường đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

- Giới thiệu, phổ biến một số quy trình công nghệ sản xuất tiên tiến, công nghệ sản xuất sản phẩm, chế phẩm giảm thiểu ô nhiễm, xử lý chất thải, cải tạo môi trường và yêu cầu kỹ thuật về hàng hóa ngành CNMT.

- Nghiên cứu, ứng dụng, sản xuất thử nghiệm, chuyển giao công nghệ tiên tiến cho một số doanh nghiệp và cơ sở nghiên cứu trong lĩnh vực CNMT.

- Ban hành các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp tiếp nhận chuyển giao công nghệ, mua bán quyền sáng chế, phần mềm, thuê chuyên gia trong, ngoài nước.

- Hợp tác quốc tế trong đào tạo, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ.

- Nghiên cứu, ứng dụng và phát triển công nghệ xử lý chất thải, đặc biệt là từ công nghiệp năng lượng tái tạo theo nguyên tắc giảm thiểu, thu hồi, tái sử dụng, tái chế để giảm tối đa lượng chất thải, tận dụng vật liệu thải bỏ làm nguyên liệu cho các ngành kinh tế khác.

- Đẩy mạnh áp dụng các hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng, nhất là các công cụ hỗ trợ cho sản xuất thông minh, dịch vụ thông minh vào doanh nghiệp.

3.2. Tăng cường đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số:

- Hỗ trợ kỹ thuật để doanh nghiệp áp dụng hệ thống quản lý đáp ứng yêu cầu của các chuỗi sản xuất toàn cầu trong quản trị doanh nghiệp, quản trị sản xuất.

- Hỗ trợ doanh nghiệp ngành CNMT áp dụng các mô hình bền vững, các mô hình sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả; mô hình sản xuất và tiêu dùng bền vững; mô hình kinh tế tuần hoàn.

4. Đào tạo, tập huấn, phát triển nguồn nhân lực phát triển ngành CNMT

- Lồng ghép nội dung, chương trình đào tạo về ngành CNMT trong các trường đại học, cao đẳng, trung cấp; xây dựng, triển khai chương trình đào tạo nhân viên kỹ thuật vận hành các hệ thống xử lý môi trường.

- Tổ chức tập huấn, đào tạo cho đội ngũ cán bộ, công chức các cấp, doanh nghiệp và các bên có liên quan về phát triển ngành CNMT.

5. Cập nhật thông tin điện tử về CNMT

- Cập nhật cơ sở dữ liệu doanh nghiệp về hàng hóa hoàn chỉnh trong các lĩnh vực của ngành CNMT.

- Cập nhật hàng năm dữ liệu về phát triển ngành CNMT.

6. Tăng cường công tác truyền thông, phổ biến về ngành CNMT

- Tổ chức tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng về CNMT.

- Xây dựng và tổ chức các chương trình truyền thông, cuộc thi tìm hiểu về CNMT; phổ biến, nhân rộng kết quả, công trình nghiên cứu về công nghệ, thiết bị, sản phẩm của ngành CNMT.

- Tăng cường trao đổi thông tin, phổ biến kinh nghiệm từ các mô hình phát triển CNMT thành công trên địa bàn trên báo, tạp chí chuyên ngành, phương tiện thông tin đại chúng.

- Tôn vinh, khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích cao trong hoạt động phát triển ngành CNMT. Khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp tham gia các hoạt động của Chương trình thương hiệu quốc gia Việt Nam.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch này được đảm bảo từ nguồn vốn ngân sách nhà nước và vốn huy động từ các nguồn khác (vốn tự có của doanh nghiệp, vốn vay của các tổ chức tín dụng, từ quỹ bảo vệ môi trường và các nguồn vốn hợp pháp khác), trong đó:

- Kinh phí thực hiện các nội dung phục vụ quản lý nhà nước được bố trí từ nguồn vốn ngân sách nhà nước (sự nghiệp bảo vệ môi trường, sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khoa học và công nghệ) theo quy định;

- Kinh phí thực hiện các hoạt động đầu tư phát triển ngành CNMT được huy động từ các nguồn vốn hợp pháp của doanh nghiệp, vốn vay của các tổ chức tín dụng, quỹ bảo vệ môi trường và các nguồn vốn hợp pháp khác.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Công Thương

- Là cơ quan đầu mối, đơn đốc tổ chức triển khai Kế hoạch này; theo dõi, kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch; định kỳ hàng năm tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Bộ Công Thương.

- Tuyên truyền nâng cao nhận thức về CNMT; sử dụng năng lượng tái tạo; sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; sản xuất và tiêu dùng bền vững.

- Xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu ngành CNMT trên địa bàn tỉnh; tuyên truyền, hướng dẫn, đơn đốc các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh tìm hiểu, nghiên cứu, ứng dụng công nghệ, thiết bị, sản phẩm ngành CNMT Việt Nam.

- Phối hợp kêu gọi thu hút, hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp CNMT trong và ngoài nước trao đổi thông tin, tài liệu nghiên cứu, phát triển các dự án CNMT.

2. Sở Tài chính

- Lồng ghép đưa nội dung phát triển CNMT vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh theo giai đoạn và hàng năm để tổ chức thực hiện hiệu quả.

- Trên cơ sở đề xuất các cơ quan, đơn vị, tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo quy định, phù hợp với phân cấp ngân sách và khả năng cân đối của ngân sách địa phương.

- Đẩy mạnh hợp tác quốc tế, tranh thủ các nguồn tài trợ từ các nước, tổ chức quốc tế thực hiện các dự án bảo vệ môi trường.

3. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Phối hợp, hỗ trợ UBND cấp xã trong việc bố trí quỹ đất để di dời hộ gia đình ra khỏi khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, CCN hoặc di dời cơ sở đang hoạt động để phát triển các doanh nghiệp CNMT, CCN CNMT, KCN CNMT.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương rà soát sửa đổi, bổ sung các văn bản của địa phương triển khai các quy định của pháp luật về môi trường.

- Hướng dẫn, hỗ trợ các doanh nghiệp CNMT đầu tư phát triển các hệ thống thu gom, phân loại, xử lý chất thải rắn đô thị tập trung; chất thải rắn công nghiệp và chất thải nguy hại tập trung.

- Hướng dẫn công tác quan trắc, giám sát môi trường; quản lý, thu gom, xử lý chất thải; cải tạo, phục hồi môi trường các khu vực bị ô nhiễm.

- Kiểm tra, giám sát về hoạt động môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

4. Sở Khoa học và Công nghệ

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành quyết định phê duyệt danh mục các đề xuất chương trình, đề tài nghiên cứu ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất trong lĩnh vực CNMT.

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành quyết định phê duyệt danh mục các đề xuất dự án thí điểm ứng dụng công nghệ mới trong lĩnh vực CNMT.

- Chủ trì hướng dẫn và tổ chức khai thác, ứng dụng công nghệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tuyên truyền kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ trong lĩnh vực CNMT.

- Chủ trì hỗ trợ tổ chức, cá nhân đổi mới công nghệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, tìm kiếm công nghệ, nhập khẩu công nghệ, khai thác sáng chế, giải mã và làm chủ công nghệ trong lĩnh vực CNMT.

- Chủ trì thẩm định hoặc cho ý kiến về công nghệ đối với các dự án đầu tư trong lĩnh vực CNMT.

- Chủ trì hướng dẫn, quản lý hoạt động chuyển giao công nghệ trên địa bàn trong lĩnh vực CNMT.

- Phối hợp thực hiện hợp tác quốc tế về khoa học công nghệ trong lĩnh vực CNMT theo quy định của pháp luật và theo phân công, phân cấp hoặc ủy quyền của UBND tỉnh và của cơ quan cấp trên.

- Chủ trì nghiên cứu, khuyến khích cộng đồng khởi nghiệp tham gia phát triển CNMT; hỗ trợ các dự án đầu tư gắn với phát triển CNMT.

5. Ban Quản lý Khu kinh tế Đông Nam

- Huy động các nguồn lực; tăng cường thu hút đầu tư xây dựng hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật môi trường; hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung tại các KCN.

- Phối hợp hướng dẫn, hỗ trợ các doanh nghiệp ngành CNMT, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ môi trường đầu tư, hoạt động tại các KCN, Khu kinh tế.

- Định kỳ tổ chức đào tạo, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ các lĩnh vực: kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn; phát triển xanh, phát triển bền vững; sản xuất sạch hơn; kiểm toán môi trường nội bộ cho cán bộ, công chức làm công tác bảo vệ môi trường tại Ban Quản lý Khu kinh tế Đông Nam, các địa phương nơi có Khu kinh tế, KCN và các doanh nghiệp trên địa bàn Khu kinh tế, KCN nhằm hỗ trợ, kết nối nhà cung ứng và nhà ứng dụng CNMT.

- Về đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số: Phát triển hệ thống sóng viễn thông 5G, Internet vạn vật (IoT) trong các KCN trên địa bàn tỉnh nhằm giám sát môi trường, quản lý và kiểm toán năng lượng, tối ưu hoá chuỗi cung ứng,...

6. Báo và Phát thanh, truyền hình Nghệ An

Xây dựng và tổ chức đa dạng các chương trình truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng về ngành CNMT.

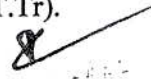
7. Các sở, ban ngành, địa phương và đơn vị liên quan

Căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, lồng ghép việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển CNMT trong Kế hoạch này vào quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và địa phương góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển bền vững.

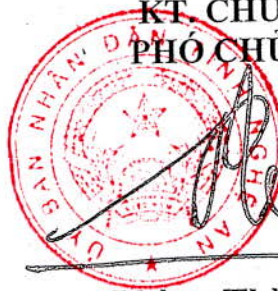
(Chi tiết phân công nhiệm vụ thực hiện Kế hoạch theo Phụ lục kèm theo)

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 1894/QĐ-TTg ngày 04/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển ngành công nghiệp môi trường Việt Nam giai đoạn 2025 - 2030 trên địa bàn tỉnh Nghệ An. Yêu cầu các sở, ngành, đơn vị, địa phương nghiêm túc thực hiện. Định kỳ trước ngày 30 tháng 11 hằng năm có trách nhiệm gửi báo cáo kết quả thực hiện và các khó khăn, vướng mắc về Sở Công Thương để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh./. 

Nơi nhận: 

- Bộ Công Thương;
 - TTr Tỉnh ủy, TTr HĐND tỉnh;
 - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
 - Các sở, ban ngành, đơn vị cấp tỉnh;
 - UBND các xã, phường;
 - Báo và Phát thanh, truyền hình Nghệ An;
 - Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
 - Chánh VP, các PCVP UBND tỉnh;
 - Lưu VT, CN (TP, T.Tr).
- 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phùng Thành Vinh

PHỤ LỤC

**NHIỆM VỤ CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN QUYẾT ĐỊNH SỐ 1894/QĐ-TTG NGÀY 04/9/2025
CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ PHÊ DUYỆT CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN NGÀNH CÔNG NGHIỆP MÔI TRƯỜNG
VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2025 – 2030 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NGHỆ AN**
(Kèm theo Kế hoạch số 1023 /KH-UBND ngày 26 /11/2025 của UBND tỉnh Nghệ An)

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
I	Hoàn thiện chính sách, pháp luật về CNMT			
1	Phổ biến chính sách, pháp luật ngành CNMT; sử dụng năng lượng tái tạo, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; sản xuất và tiêu dùng bền vững.	Sở Công Thương	Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND các xã, phường; các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh	Hàng năm
2	Tham mưu triển khai cơ chế, chính sách khuyến khích hỗ trợ nghiên cứu phát triển, ứng dụng làm chủ và chuyển giao công nghệ xử lý nước thải, khí thải, chất thải rắn và chất thải nguy hại trên địa bàn tỉnh.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND các xã, phường; các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh	Hàng năm
3	Rà soát và tổ chức triển khai thực hiện chính sách khuyến khích, ưu đãi, hỗ trợ tài chính và đầu tư để phát triển CNMT trên địa bàn tỉnh.	Sở Tài chính	Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND các xã, phường; các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh	Hàng năm
II	Phát triển công nghệ bảo vệ môi trường, sử dụng bền vững tài nguyên và phục hồi môi trường			
1	Kiểm tra, giám sát về hoạt động môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND các xã, phường; các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh	Hàng năm
2	Triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ để nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao các công nghệ mới, sản phẩm mới trong lĩnh vực bảo vệ môi trường có hiệu quả.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND các xã, phường; các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh	Hàng năm
III	Thu hút đầu tư, phát triển các doanh nghiệp CNMT			
1	Kêu gọi, thu hút các doanh nghiệp CNMT đầu tư trên địa bàn tỉnh Nghệ An	Sở Tài chính	Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND các xã, phường; các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh	Hàng năm



2	Bố trí quỹ đất để di dời hộ gia đình ra khỏi khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, CCN hoặc di dời cơ sở đang hoạt động để phát triển các doanh nghiệp CNMT, CCN CNMT, KCN CNMT	UBND các xã, phường	Sở Nông nghiệp và Môi trường; các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hàng năm
3	Xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu ngành CNMT trên địa bàn tỉnh	Sở Công Thương	Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND các xã, phường; các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh	Hàng năm
4	Hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp CNMT trong và ngoài nước trao đổi thông tin, tài liệu nghiên cứu, phát triển các dự án CNMT	Sở Công Thương	Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND các xã, phường; các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh	Hàng năm
5	Đẩy mạnh hợp tác quốc tế, tranh thủ các nguồn tài trợ từ các nước, tổ chức quốc tế thực hiện các dự án bảo vệ môi trường, trong nghiên cứu, ứng dụng, tiếp nhận, chuyển giao và làm chủ công nghệ xử lý môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND các xã, phường; các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh	Hàng năm
IV	Tuyên truyền, phổ biến về ngành CNMT			
1	Xây dựng và tổ chức đa dạng các chương trình truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng về ngành CNMT	Báo và Phát thanh, truyền hình Nghệ An	Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND các xã, phường; các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh	Hàng năm
2	Giới thiệu, quảng bá các công nghệ, thiết bị, sản phẩm CNMT thông qua sàn giao dịch công nghệ và thiết bị của tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND các xã, phường; các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh	Hàng năm
3	Tuyên truyền, hướng dẫn, đôn đốc các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh tìm hiểu, nghiên cứu, ứng dụng công nghệ, thiết bị, sản phẩm ngành CNMT Việt Nam	Sở Công Thương	Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND các xã, phường; các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh	Hàng năm